

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT

Ngày 25 tháng 02 năm 2022

"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Thanh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Phạm Thị Thúy Mai

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân  
tỉnh P.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:*** Ông Phùng  
Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công  
khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLPT- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về  
tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2021/HNGĐ-ST ngày 29  
tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2022/QĐPT-  
HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh P; Có mặt

**- Bị đơn:** Anh Phan Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh P; Có mặt

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1970; Vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1974 (Vợ ông T1); Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện X, tỉnh P;

3. Ông Trần Quang H, sinh năm 1962; Có mặt.

4. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1964 (Vợ ông H); Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh P.
5. Ông Phan Văn T2, sinh năm 1958; Có mặt
6. Bà Ngô Thị C, sinh năm 1960, (Vợ ông T2); Vắng mặt.  
Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh P.
7. Ông Ngô Tiến D, sinh năm 1971.  
Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện X, tỉnh P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:*

Ngày 25/4/2014, chị và anh Phan Văn T đăng ký kết hôn với nhau tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh P. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Cưới xong, chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh T tại thôn H, xã B. Quá trình chung sống chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường chửi bới, đánh đập chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng trở nên dạn nứt, căng thẳng. Ngày 25/01/2020, chị về nhà mẹ đẻ ở, sau đó anh T và gia đình động viên nên chị quay lại gia đình anh T; đến tháng 7/2020 vợ chồng lại mâu thuẫn nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Phan Khải M, sinh ngày 07/6/2015 (hiện nay cháu M đang ở cùng chị). Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 4.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm việc tại Trung tâm Đào tạo lao động xuất khẩu P, thu nhập hàng tháng của chị khoảng 4.000.000đ, ngoài ra chị kinh doanh thêm thu nhập khoảng 3.000.000đ, tổng thu nhập hàng tháng là 7.000.000đ. Hiện tại chị và cháu M đang ở nhờ tại đất nhà của bố mẹ đẻ chị ở xã B, huyện V.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có tài sản chung gồm: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 biển kiểm soát 88A -126.34 giấy tờ xe mang tên Trần Thị Thu H, mua năm 2016. Hiện nay do anh T đang quản lý, sử dụng; 01 thửa đất diện tích 108m<sup>2</sup> tại thửa số 4, tờ bản đồ QH địa chỉ khu Đ, xã T, huyện X, tỉnh P mua của vợ chồng ông T1, bà Đ với giá 290.000.000đ.

Hiện thửa đất này vẫn đứng tên ông T1, bà Đ giấy tờ gốc hiện do vợ chồng anh Phan Văn T giữ và mới nộp cho Tòa án.

Đối với chiếc xe ô tô, thời điểm mua chị không còn nhớ cụ thể giá nhưng lúc đó bố mẹ chị cho 100.000.000đ và bố mẹ anh T cho 50.000.000đ, còn lại là tiền của vợ chồng. Nay chị và anh T thống nhất giá trị chiếc xe là 480.000.000đ.

Ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật, chị xin nhận đất ở X còn chia cho anh T chiếc xe ô tô MAZDA3, bên nào được hưởng tài sản nhiều hơn có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch.

Ngoài ra, đối với thửa đất dịch vụ ở thôn L, phường Đ, thành phố Y mà vợ chồng ông H, bà Tuyền (là bố mẹ đẻ của chị) nói mua cho vợ chồng, nhưng đến nay thủ tục phức tạp chưa mua được nên chị xin rút yêu cầu không đề nghị Toà án giải quyết. Hơn nữa các nội dung liên quan đối với thửa đất trên hai bên gia đình đã tự giải quyết, bố mẹ chị là ông H bà Tuyền đã thanh toán cho ông T2 bà C số tiền 540.000.000đ, hiện hai gia đình không còn liên quan gì thửa đất trên.

*Tại Bản tự khai ngày 11/5/2020 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Phan Văn T trình bày:*

Về quá trình kết hôn, chung sống như chị H trình bày là đúng. Chị H chung sống cùng gia đình anh được khoảng 04 tháng thì vợ chồng sang Nhật Bản làm ăn. Tháng 01/2015, chị H về nước để dưỡng thai và sinh con, còn anh vẫn ở Nhật làm ăn đến tháng 01/2020 thì về nước hẳn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng đều là những mâu thuẫn nhỏ, không đến mức căng thẳng để ly hôn. Việc chị H cho rằng anh đánh chị, có quan hệ với bên ngoài là không đúng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Quá trình giải quyết vụ án trước đây anh không đồng ý ly hôn chị H, vì anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và có thể hàn gắn với nhau. Tuy nhiên, đến nay chị H cương quyết, hơn nữa anh thấy chị H có tính toán trước, do đó anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Khải M, sinh ngày 07/6/2015 (hiện nay cháu M đang ở cùng chị H). Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm tại Công ty TNHH ARAI Việt Nam, thu nhập hàng tháng 40.000.000đ, anh có đủ điều kiện tốt nhất để nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thừa nhận về tài sản chung của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Về phần thửa đất ở thôn L, phường Đ do chưa tiến hành mua nên chị H đã rút yêu cầu đối với thửa đất này, anh đồng ý và không có ý kiến gì.

Đối với phần tài sản chung của vợ chồng gồm 01 chiếc xe ô tô Mazda3 và 01 thửa đất diện tích 108m<sup>2</sup> ở xã T, huyện X. Ly hôn anh xin được nhận đất vì nguồn gốc số tiền 290.000.000đ mua đất thì vợ chồng anh chỉ có 90.000.000đ, bố mẹ anh cho 200.000.000đ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T2 và bà Ngô Thị C trình bày*

Việc anh chị ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung do anh chị quyết định, mong muốn của ông bà là cháu Phan Khải M được ở với bố.

Vợ chồng chị H, anh T có 01 ô tô Mazda3 mua năm 2016 và 01 thửa đất diện tích 108m<sup>2</sup> ở xã T, huyện X. Chiếc xe ô tô được đứng tên chị Trần Thị Thu H, khi mua không nhớ bao nhiêu tiền, nhưng khi đó nghe nói bố chị H là ông H cho 100.000.000đ, vợ chồng ông bà cho 50.000.000đ còn lại là của chị H, anh T. Đối với chiếc xe ô tô, ông bà đề nghị giải quyết theo quy định. Đối với thửa đất ở Tam Hợp mua của ông T1, bà Đ với giá 290.000.000đ, nguồn gốc số tiền mua đất thì vợ chồng chị H, anh T có 90.000.000đ, còn vợ chồng ông bà cho 200.000.000đ để anh chị mua đất (do khi đó mới tổ chức đám cưới cho các cháu xong nên ông bà có thu xếp được). Chị H đề nghị chia đôi thửa đất này ông bà không đồng ý, vì phần lớn số tiền mua đất là của vợ chồng ông bà cho anh chị. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Thửa đất này ông bà được biết chị H, anh T đã trả đủ tiền cho ông bà T1 Đ, nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bìa đỏ gốc do ông bà giữ và đã giao nộp cho Tòa án, sau này Tòa án giải quyết chia cho bên nào thì đề nghị Tòa án trả lại bìa đỏ cho bên đó để làm thủ tục.

Ngoài ra, đối với thửa đất dịch vụ ở thôn L, phường Đ, trước đây ông bà có đưa 540.000.000đ cho ông H, bà Tuyền để nhờ mua thửa đất. Việc này ông bà cùng vợ chồng chị H anh T và vợ chồng ông H đã bàn bạc thống nhất đứng tên vợ chồng ông bà. Tuy nhiên đến nay thủ tục còn phức tạp, chưa mua được đất nên giữa ông bà và ông H, bà Tuyền đã tự thỏa thuận với nhau, ông H, bà Tuyền đã trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền 540.000.000đ và ông bà đã nhận đủ, việc chị H rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết về thửa đất này ông bà cũng nhất trí không có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang H và bà Ngô Thị T trình bày*

Việc anh H, chị T xin ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung do anh chị quyết định.

Về tài sản chung: Đối với chiếc xe ô tô Mazda chị H, anh T mua năm 2016 khi mua ông bà có cho vợ chồng chị H 100.000.000đồng và 01 thửa đất

thổ cư ở xã T mua của ông T1 và bà Đ. Nay ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Đối với thửa đất ở thôn L, phường Đ trước đây khi chị H anh T chung sống cùng nhau, gia đình hai bên định mua cho anh chị. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thủ tục, hồ sơ, giấy tờ chưa rõ ràng, chưa có bìa đồ thì xảy ra việc mâu thuẫn ly hôn của chị H và anh T. Quan điểm của ông bà đây là việc giữa vợ chồng ông bà và vợ chồng ông T2, bà C (hai anh chị cũng không đưa cho vợ chồng ông bà đồng nào). Việc này ông bà và vợ chồng ông T2, bà C đã tự giải quyết với nhau không liên quan gì đến chị H và anh T, ông bà không có bất kỳ tài liệu gì liên quan để cung cấp cho Tòa án.

*Tại Bản tự khai, Bản trình bày quan điểm bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T1 và bà Ngô Thị Đ trình bày:*

Vợ chồng ông bà có 01 thửa đất diện tích 108m<sup>2</sup> ở khu Đ, xã T, huyện X, tỉnh P đứng tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1970 và Ngô Thị Đ, sinh năm 1974. Tháng 6/2014, do không có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông bà đã bán cho vợ chồng chị H anh T với giá 290.000.000đồng. Thời điểm bán do ông bà bận việc nên có nhờ ông Ngô Tiến D (là anh trai ruột của bà Đ) đứng ra bán. Sau đó, ông D đã đưa đầy đủ số tiền cho ông bà nhận lại, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà cũng đã đưa cho vợ chồng anh T giữ. Hiện nay ông bà xác định thửa đất đó thuộc về vợ chồng chị H anh T, anh chị có toàn quyền quyết định. Do thủ tục sang tên thửa đất chưa tiến hành nên thửa đất vẫn đứng tên ông bà, ông bà xác định đã bán cho chị H anh T, thì khi nào anh chị hoàn thiện thủ tục sang tên, ông bà cũng sẽ ký giấy tờ theo quy định. Do điều kiện bận công việc nên ông bà có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

*Tại Bản tự khai ngày 29/6/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Tiến D trình bày:*

Ngày 03/6/2014, do bà Ngô Thị Đ là em gái ông bị ốm và ông T1 (là em rể) bận đi làm ăn xa, nên ông có nhận uỷ quyền đứng ra làm giấy biên nhận mua bán đất giữa vợ chồng ông T1 bà Đ với vợ chồng chị H anh T với giá 290.000.000đ, đồng thời chịu trách nhiệm sang tên cho anh chị khi anh chị yêu cầu. Sau đó, ông đã bàn giao lại đủ số tiền cho ông T1 bà Đ và anh T chị H cũng giữ giấy tờ thửa đất cho đến nay vẫn chưa sang tên. Ông xác nhận rằng mảnh đất đó là có thật, và đã được thực hiện mua bán, nay là tài sản của chị H anh T. Do điều kiện bận công việc nên ông có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 53/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 55, 59, 33, 38, 62, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 156, 157, 158, 163, 164, 165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**1. Về hôn nhân:**

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phan Văn T.

**2. Về con chung:**

- Chị Trần Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Khải M, sinh ngày 07/6/2015 (hiện đang ở cùng chị H); anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 3.000.000đ/1 tháng, kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:**

- Chia cho chị Trần Thị Thu H quyền sử dụng 108m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 04, tờ bản đồ QH địa chỉ khu Đ, xã T, huyện X, tỉnh P (mua của vợ chồng ông T1, bà Đ hiện vẫn đứng tên ông T1 bà Đ) trị giá 291.600.000đ.

- Chia cho anh Phan Văn T 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu trắng, Biển kiểm soát 88A - 126.34, đăng ký lần đầu 04/7/2016, đăng ký xe đứng tên Trần Thị Thu H (xe cùng giấy tờ hiện do anh T đang quản lý) trị giá 480.000.000đ.

Anh T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H số tiền 94.200.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07 tháng 10 năm 2021 anh Phan Văn T nộp đơn kháng cáo (Đơn kháng cáo ghi ngày 02/10/2021) không đồng ý với quyết định của Bản án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giao con chung cho anh nuôi; đề nghị phân chia tài sản ngược lại, cụ thể anh xin được sử dụng đất và chị H sử dụng ô tô.

Ở giai đoạn phúc thẩm anh T gửi đơn yêu cầu phân chia quyền được nuôi con, tài sản tranh chấp; chị H cũng gửi “ Văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phan Văn T giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 53/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Phan Văn T trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét lại Bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo xin được nuôi con chung là cháu Phan Khải M: Xét về điều kiện kinh tế để nuôi con thì mặc dù anh T có thu nhập cao hơn chị H (anh T khai thu nhập của anh khoảng 40.000.000đ/1 tháng; chị H khai thu nhập gần 10.000.000đ/1 tháng) với mức thu nhập trên thì cả anh và chị đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên cháu M còn nhỏ, xét về điều kiện chăm sóc thì cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, chị H đang công tác gần nhà và ở cùng gia đình bố mẹ để chị trong khi anh T hiện công tác xa nhà (anh T hiện công tác tại tỉnh H), không thể trực tiếp nuôi con. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến quyền lợi về mọi mặt của cháu M, giúp cháu có được sự phát triển tốt nhất, đã giao cháu M cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh T.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo đề nghị chia cho chị H xe ô tô Mazda 3 và anh xin được sử dụng thửa đất thổ cư ở xã T mua của ông T1 và bà Đ năm 2014 với lý do tài sản này được hình thành chủ yếu từ gia đình anh.

Hội đồng xét xử thấy:

Khi phân chia Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến điều kiện thực tế của các bên; do anh T hiện đi làm xa (ở tỉnh H) cần có phương tiện đi lại và chị H trình bày hiện chị cũng đã có phương tiện là xe ô tô để đi lại, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh T xe ô tô là phù hợp.

Thửa đất thổ cư 108m<sup>2</sup> ở xã T anh T, chị H mua của ông T1 và bà Đ năm 2014 với giá 290.000.000đ được xác định hình thành trong thời kỳ hôn nhân

(Anh chị kết hôn ngày 25/4/2014, đến tháng 6/2014 thì mua đất), thửa đất này hiện vẫn đứng tên ông T1, bà Đ. Ở giai đoạn sơ thẩm ông T2, bà C và anh T đều cho rằng về nguồn gốc số tiền mua đất thì vợ chồng chị H, anh T chỉ có 90.000.000đ, còn vợ chồng ông bà cho 200.000.000đ nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, trong khi Chị H không thừa nhận việc ông T2 bà C cho 200.000.000đ. Ở giai đoạn phúc thẩm anh T cũng không xuất trình chứng cứ gì mới chứng minh cho nội dung trên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất thổ cư diện tích 108m<sup>2</sup> tại thửa số 04, tờ bản đồ QH; địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện X, P là tài sản chung của chị H và anh T và phân chia theo nguyên tắc chia đôi là có căn cứ.

Xét điều kiện về chỗ ở thì chị H hiện chưa có chỗ ở nên thực sự có nhu cầu về chỗ ở để ổn định công tác, nuôi con. Mặt khác thửa đất 108m<sup>2</sup> anh chị mua của ông T1, bà Đ hiện vẫn đứng tên ông T1, bà Đ. Ông T1, bà Đ có quan hệ họ Hng với gia đình chị H (bà Đ là em ruột bà T - mẹ đẻ chị H), do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tới việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên đã chia cho chị H thửa đất thổ cư diện tích 108m<sup>2</sup>, thửa số 04, tờ bản đồ QH; địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện X, P, chị H có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định là phù hợp, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo xin được sử dụng thửa đất thổ cư ở xã T mua của ông T1 và bà Đ của anh T.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không nhận xét.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của anh T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 53/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V.

Căn cứ các Điều 51, 55, 59, 33, 38, 62, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 156, 157, 158, 163, 164, 165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:



**1. Về hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phan Văn T.

**2. Về con chung:** Chị Trần Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Khải M, sinh ngày 07/6/2015 (hiện đang ở cùng chị H); anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 3.000.000đ/1 tháng, kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:**

- Chia cho chị Trần Thị Thu H quyền sử dụng 108m<sup>2</sup> đất ở, thửa số 04, tờ bản đồ QH địa chỉ khu Đ, xã T, huyện X, tỉnh P (mua của vợ chồng ông T1, bà Đ hiện vẫn đứng tên ông T1 bà Đ) trị giá 291.600.000đ.

- Chia cho anh Phan Văn T 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3, màu trắng, Biển kiểm soát 88A-126.34, đăng ký lần đầu 04/7/2016, đăng ký xe đứng tên Trần Thị Thu H (xe cùng giấy tờ hiện do anh T đang quản lý) trị giá 480.000.000đ.

Anh T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H số tiền 94.200.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên (tiền cấp dưỡng nuôi con chung và tiền thanh toán chênh lệch tài sản), hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có quyền liên hệ với Tòa án để được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục sang tên tại cơ quan quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

**4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá:**

Chị H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 3.700.000đ chi phí thẩm định, định giá; xác nhận chị H đã nộp đủ.

**5. Về án phí:**

*Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

- Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004961 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn. Chị H phải chịu 19.290.000đ án phí giá ngạch chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.800.000đ theo biên lai số AA/2017/0005075

ngày 30/6/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 4.490.000đ án phí giá ngạch chia tài sản.

- Anh Phan Văn T phải chịu 19.290.000đ án phí giá ngạch chia tài sản và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm:*

Anh Phan Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00055269 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Anh T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh P
- TAND huyện V
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Thanh**

